

Bản án số: 57/2023/DS-PT

Ngày 13-4-2023

V/v: “ Yêu cầu hủy hợp đồng dịch vụ và yêu cầu bồi thường thiệt hại”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thư

Các Thẩm phán:

Ông Phạm Tiến Hiệp

Bà Nguyễn Thị Nga

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Bảo Yên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:** Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 23 tháng 3 và ngày 13 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 121/2022/TLPT-DS ngày 26 tháng 10 năm 2022 về “Yêu cầu hủy hợp đồng dịch vụ và bồi thường thiệt hại”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 33/2022/DS-ST ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 02/2023/QĐXXPT-DS ngày 12 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1976; (có mặt)

Địa chỉ: Khu Đ, thị trấn Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư **Nguyễn Thành T**; (có mặt)

Địa chỉ: Khu Đ, thị trấn Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

- **Bị đơn:**

1. **Ủy ban nhân dân huyện B**, tỉnh Bình Phước.

Địa chỉ: Khu Đ, thị trấn Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Trần Thanh H** - Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Hồ Thị Kim C1** - Chức vụ: Phó trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện B. (có mặt)

2. **Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện B**, tỉnh Bình Phước.

Địa chỉ: Khu Đ, thị trấn Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phan Minh L** - Chức vụ: Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện B. (vắng mặt)

*Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Võ Ngọc Hoàng V** - Phó trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện B. (có mặt)*

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Địa chỉ: Khu Đ, thị trấn Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

*Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Nguyễn Thị Bích H1** - Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. (có đơn xin xét xử vắng mặt)*

2. Công ty TNHH Cây xanh C;

Địa chỉ: 362A, đường P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

*Người đại diện theo pháp luật: Bà **Lê Thị H2** - Chức vụ: Giám đốc. (có đơn xin xét xử vắng mặt)*

- Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:

Xuất phát từ nhu cầu thu gom rác thải nên vào tháng 4/2010, phòng Công Thương (nay là Phòng Kinh tế và Hạ tầng) huyện B, tỉnh Bình Phước tổ chức đấu thầu tư nhân thu gom rác thải trên địa bàn thị trấn Đ. Ông Nguyễn Văn C là người tham gia đấu thầu và được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện B chấp thuận kết quả trúng thầu của ông C theo Công văn số 286/UBND-KT ngày 29/4/2010. Theo đó, vào ngày 29/4/2010 ông C ký hợp đồng số 41/HĐ-CT với phòng Công thương huyện B, thời gian thực hiện là 02 năm kể từ ngày 01/5/2010 đến hết ngày 30/4/2012; công việc là thu gom rác thải sinh hoạt trên địa bàn thị trấn Đ huyện B; tổng kinh phí phòng Công thương phải trả là 376.284.000 đồng, tương đương 15.678.500 đồng/tháng. Số tiền này đã được thanh toán đầy đủ và thanh lý hợp đồng theo quy định. Ngoài ra, khi thực hiện thu gom rác thải trên địa bàn thị trấn thì ông C được thu từ các hộ dân 10.000đồng/tháng; hộ kinh doanh là 15.000đồng/tháng/hộ (theo công văn số 567/QĐ-UBND ngày 24/3/2008 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành về danh mục mức phí trên địa bàn tỉnh Bình Phước).

Do thực hiện tốt hợp đồng nên ông C được chỉ định ký tiếp hợp đồng thu gom rác thải mà không cần phải đấu thầu lại, hợp đồng được gia hạn mỗi năm và được ưu tiên đấu thầu. Phòng Công thương đã lập tờ trình dự trù kinh phí thu gom rác thải và được UBND huyện B chấp thuận theo Công văn 548/UBND-KT ngày 13/6/2012 tiếp tục cho ông C thu gom rác thải từ tháng 5 đến tháng 8/2012 với giá 35.908.293đồng/tháng và thu tiền của các hộ dân như thỏa thuận trong hợp đồng số 41/HĐ-CT năm 2010. Hết hợp đồng 04 tháng thì được gia hạn thực hiện công việc và giá được điều chỉnh là 33.187.480 đồng/tháng. Đến ngày 09/01/2013, ông C ký hợp đồng số 06/HĐ-CT với Phòng Kinh tế và Hạ tầng với thời hạn 03 tháng từ ngày 01/01/2013 cho đến ngày 31/3/2013 với giá 33.187.480 đồng/tháng. Từ tháng 4/2013 đến tháng 8/2018 thì ông C tiếp tục ký hợp đồng thực hiện dịch vụ với phòng Kinh tế và Hạ tầng và Đội quản lý công trình đô thị với số tiền không đổi là 33.187.480đồng/tháng.

Ngày 09/7/2018, UBND huyện B có Công văn số 837/UBND-KT về việc thuận chủ trương giao nhiệm vụ tổ chức đấu thầu và quản lý việc thu gom rác thải trên địa bàn thị trấn cho UBND thị trấn Đ quản lý thực hiện. Do đó vào ngày 30/8/2018 ông C ký hợp đồng giao khoán thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải trên địa bàn thị trấn Đ với UBND thị trấn Đ thời hạn từ ngày 01/9/2018 cho đến ngày 31/12/2018 với số tiền 33.187.480 đồng/tháng. Ông C tiếp tục ký hợp đồng số 01 và số 02 với UBND thị trấn Đ từ tháng 01/2019 đến 30/6/2019 với giá là 33.187.480 đồng/tháng.

Theo quy định tại Công văn 286 ngày 29/4/2010 thì cơ quan chủ quản (thông qua Phòng Tài nguyên môi trường, Phòng Tài chính kế hoạch, UBND thị trấn Đ) kiểm tra giám sát việc thực hiện thu gom rác trên địa bàn thị trấn Đ trong thời gian trúng thầu khi có biến động lớn về giá nhiên liệu và giao Phòng Công thương chủ trì phối hợp các ban ngành xác nhận và đề xuất để UBND huyện giải quyết. Trong quá trình thực hiện việc thu gom rác thì có biến động chênh lệch giá nhiên liệu, nhân công nên ông C đã nhiều lần yêu cầu điều chỉnh lại giá mới nhưng UBND huyện B chỉ thực hiện việc điều chỉnh được hai lần giá vào ngày 01/5/2012 theo Công văn 548 ngày 13/6/2012 với giá là 35.908.293 đồng/tháng từ tháng 5 đến tháng 8/2012 và lần thứ 2 theo Công văn số 1263 ngày 18/12/2012 với mức giá 33.187.480 đồng/tháng. Ngoài ra, UBND huyện B không tiếp tục thực hiện việc điều chỉnh mức giá mà vẫn giữ nguyên mức giá cũ là 33.187.480 đồng từ đó cho đến khi chấm dứt hợp đồng gây thiệt hại cho ông C.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông C đã đầu tư trang thiết bị, thuê nhân công, mua xe chuyên dụng để thực hiện việc thu gom rác thải đúng như yêu cầu của chủ đầu tư, nhưng ngày 11/6/2019, Phòng Kinh tế và Hạ tầng ra Thông báo số 06 ngày 11/6/2019 về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng thu gom, vận chuyển rác thải đối với ông C, đồng thời Phòng Kinh tế và Hạ tầng đã ký kết Hợp đồng số 12/2019/HĐXD ngày 12/6/2019 với Công ty TNHH Cây xanh C thực hiện thu gom vận chuyển rác thải trên địa bàn nội ô thị trấn Đ, xã Đ và xã M. Đến ngày 28/6/2019, công C được UBND thị trấn Đ thông báo kết thúc việc thu gom rác thải và bàn giao công việc cho Công ty TNHH Cây xanh C.

Như vậy, trong thời gian đang thực hiện thu gom, vận chuyển rác thải trên thị trấn Đ theo hợp đồng kinh tế giữa ông C và UBND thị trấn Đ thì Phòng Kinh tế và Hạ tầng thực hiện việc đấu thầu qua mạng mà không thông báo cho ông C là đơn vị đang thực hiện việc thu gom rác thải để ông C tham gia. Ngoài ra, việc Phòng Kinh tế và Hạ tầng thực hiện việc đấu thầu là không đúng nhiệm vụ vì việc đấu thầu này được UBND huyện B giao cho UBND thị trấn Đ thực hiện, chỉ giao cho Phòng Kinh tế và Hạ tầng trên cơ sở hồ sơ đấu thầu của UBND thị trấn Đ lập để thẩm định trình UBND huyện phê duyệt theo Công văn số 873 ngày 09/7/2018. Đồng thời phòng Kinh tế và Hạ tầng chỉ là chủ đầu tư chứ không phải là đơn vị trực tiếp mở thầu, đấu thầu do đó việc tự ký hợp đồng trúng thầu là sai.

Từ những lý do trên, ông C khởi kiện yêu cầu hủy Hợp đồng số 12/2019/HĐXD ngày 12/6/2019 Hợp đồng thi công gói: “Thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn nội ô thị trấn Đ và các xã Đ, M, huyện B” giữa Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện B và Công ty TNHH Cây xanh C. Đồng thời yêu cầu UBND huyện B phải bồi thường các khoản chi phí phát sinh do biến động giá trong quá trình thu gom vận chuyển rác thải từ tháng 01/2013 cho đến tháng 6/2019 là 2.344.481.030 đồng, và khoản tiền lãi của số tiền này từ ngày 01/7/2019 đến ngày 31/01/2021 là 393.219.500 đồng và từ ngày 01/02/2021 đến ngày 15/6/2022 là 341.930.000 đồng. Đồng thời UBND huyện B phải trả cho ông C số tiền tổn thất giá trị xe hư hao do

không hoạt động từ tháng 7/2019 đến ngày 15/3/2022 là 580 triệu đồng. Tổng số tiền là 3.659.630.530 đồng.

Yêu cầu Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện B phải bồi thường tiền tổn thất về kinh tế bao gồm chi phí nộp thuế, chi phí hao hụt trang thiết bị tiền lương chi trả cho công nhân từ ngày 01/7/2019 đến ngày 31/12/2019 là 827.820.000 đồng và từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/01/2021 là 1.893.314.000 đồng, từ ngày 01/2/2021 đến ngày 15/6/2022 là 2.396.600.000 đồng. Tổng số tiền là 5.117.734.000 đồng.

Ngoài ra, ông C không có yêu cầu nào khác.

Đại diện bị đơn UBND huyện B trình bày: Xuất phát từ nhu cầu thu gom rác thải nên vào tháng 4/2010 thì UBND huyện B giao cho phòng Công thương (nay là Phòng Kinh tế và Hạ tầng) huyện B tổ chức đấu thầu tư nhân thu gom rác thải trên địa bàn thị trấn Đ, trong đó có ông Nguyễn Văn C là người tham gia đấu thầu. Ngày 29/4/2010, UBND huyện B đã ban hành Công văn số 286/UBND-KT ngày 29/4/2010 về việc chấp thuận kết quả trúng thầu gói thầu: Đấu thầu tư nhân đối với công tác thu gom và vận chuyển rác sinh hoạt trên địa bàn thị trấn Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước đối với ông C. Ngày 29/4/2010, Phòng Công thương (Nay là Phòng Kinh tế và Hạ tầng) huyện B ký Hợp đồng Kinh tế số 41/HĐ-CT về việc giao khoán công tác thu gom rác thải trong khu vực thị trấn Đ, huyện B với ông Nguyễn Văn C có thời hạn 24 tháng (từ ngày 01/5/2010 đến ngày 30/4/2012). Với giá trị hợp đồng 15.678.500 đồng x 24 tháng = 376.284.000 đồng.

Ngày 13/6/2012, UBND huyện B ban hành Công văn số 548/UBND-KT về việc chấp thuận cho tư nhân là ông Nguyễn Văn C tiếp tục thu gom và vận chuyển rác sinh hoạt trên địa bàn thị trấn Đ với kinh phí là 35.908.293 đồng/tháng. Ngày 13/6/2012, phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện B ký Hợp đồng kinh tế số 19/HĐ-CT về việc giao khoán công tác thu gom rác thải trong khu vực thị trấn Đ, huyện B với ông Nguyễn Văn C có thời hạn 08 tháng (từ ngày 01/5/2012 đến ngày 31/12/2012). Ngày 27/12/2012, tất cả các Hợp đồng nêu trên đã được thanh lý tại Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện B với giá trị hợp đồng 35.908.293 đồng/tháng x 8 tháng = 287.266.344 đồng.

Ngày 28/12/2012, UBND huyện B ban hành Công văn 1263/UBND-KT về việc thay thế một số nội dung trong Công văn 548/UBND-KT ngày 13/6/2012 của UBND huyện; theo đó UBND huyện tiếp tục cho nhà thầu tư nhân là ông Nguyễn Văn C thu gom và vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn thị trấn Đ từ tháng 5/2012 đến hết tháng 3/2013 với kinh phí như sau:

- Tháng 5/2012 đến tháng 8/2012 là 35.908.293 đồng/tháng.
- Từ tháng 9/2012 đến tháng 3/2013 là 33.187.480 đồng/tháng (Phòng Tài chính – Kế hoạch đã thẩm tra dự toán kinh phí).

Tuy nhiên, do đã ký hợp đồng có thời hạn 08 tháng (*kể từ ngày 01/5/2012 đến ngày 31/12/2012*) nên Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện B vẫn tiếp tục Hợp đồng kinh tế số 19/HĐ-CT ngày 13/6/2012 với ông C. Đến ngày 27/12/2012, mới thực hiện thanh lý hợp đồng với ông C với giá trị hợp đồng 35.908.293 đồng/tháng x 8 tháng = 287.266.344 đồng.

Ngày 09/01/2013, Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện B tiếp tục ký Hợp đồng kinh tế số 06/HĐ-KTHT về việc giao khoán công tác thu gom rác thải trong khu vực thị trấn Đ, huyện B với ông Nguyễn Văn C, thời hạn 3 tháng (*kể từ ngày 01/01/2013 đến 31/03/2013*) với giá trị hợp đồng 33.187.480 đồng/tháng x 3 tháng = 99.562.440 đồng.

Sau đó, kể từ năm 2013 đến năm 2018, UBND huyện chỉ thuận chủ trương giao hạn và trả tiền theo từng tháng, từng quý với ông C theo Công văn số 199/UBND-KT ngày 20/3/2013, 582/UBND-KT ngày 08/7/2013; Công văn số 592/UBND-KT ngày 09/6/2017 của UBND huyện B.

Căn cứ Thông báo số 548-TB/HU ngày 11/5/2018 Thông báo kết luận của đồng chí Huỳnh Hữu T1 (Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy) tại buổi làm việc với Ban chấp hành Đảng bộ thị trấn Đ, huyện B; Căn cứ Tờ trình số 31/TTr-UBND, ngày 25/5/2018 của UBND thị trấn Đ về việc đề nghị giao nhiệm vụ tổ chức đấu thầu và quản lý việc thu gom rác thải trên địa bàn thị trấn Đ cho UBND thị trấn Đ. Nên UBND huyện đã ra Công văn số 873/UBND-SX ngày 09/7/2018 về việc thuận chủ trương giao nhiệm vụ tổ chức đấu thầu và quản lý việc thu gom rác thải trên địa bàn thị trấn Đ cho UBND thị trấn Đ quản lý, thực hiện. Việc ký kết hợp đồng thu gom rác 4 tháng cuối năm 2018 và 6 tháng đầu năm 2019 là do UBND thị trấn Đ ký kết với ông C cũng với giá trị hợp đồng 33.187.480đồng/tháng.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng giữa các bên phía ông C không có lập dự toán và văn bản kiến nghị lên Phòng Kinh tế và Hạ tầng và UBND huyện B, cũng không có ý kiến đề nghị điều chỉnh giá của hợp đồng tại các cuộc tiếp xúc với nhau. Quá trình ký kết và thực hiện hợp đồng là ông C tự nguyện, giữa Phòng Kinh tế và Hạ tầng và ông C không có xảy ra tranh chấp và ý kiến gì. Do đó, UBND huyện B không đồng ý đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông C yêu cầu UBND huyện B phải bồi thường các chi phí phát sinh do biến động giá cùng tiền lãi.

Đối với yêu cầu hủy Hợp đồng số 12/2019/HĐXD ngày 12/6/2019 Hợp đồng thi công gói: “Thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn nội ô thị trấn Đ và các xã Đ, M, huyện B” và yêu cầu Phòng Kinh tế và Hạ tầng phải bồi thường thiệt hại do đơn phương chấm dứt hợp đồng thì UBND huyện có ý kiến như sau: Theo nội dung Công văn số 873/UBND-SX ngày 09/7/2018 về việc thuận chủ trương giao nhiệm vụ tổ chức đấu thầu và quản lý việc thu gom rác thải trên địa bàn thị trấn Đ cho UBND thị trấn Đ quản lý, thực hiện. Tuy nhiên, sau khi xem xét tình hình việc đấu thầu trên cả địa bàn xã Đ và xã M nên việc giao cho UBND thị trấn tổ chức đấu thầu là không đúng thẩm quyền nên tại Thông báo 226/TB-UBND ngày 28/12/2018 của UBND huyện về ý kiến kết luận và chỉ đạo của ông Nguyễn Thanh B – Chủ tịch UBND huyện chủ trì họp Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND huyện để cho ý kiến về Đề án thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn thị trấn Đ, trung tâm xã Đ và trung tâm xã M (lần 2). Thông báo 31/TB-UBND ngày 07/3/2019 của UBND huyện về ý kiến kết luận và chỉ đạo của ông Nguyễn Thanh B – Chủ tịch UBND huyện chủ trì họp Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND huyện để cho ý kiến về Đề án thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn thị trấn Đ, trung tâm xã Đ và trung tâm xã M đến Bãi chôn lấp rác thải tập trung của huyện tại thôn 1, xã Đ, huyện B (lần cuối). UBND huyện đã thống nhất Phòng Kinh tế và Hạ tầng là đại diện chủ đầu tư, sau khi Phòng Tài chính – Kế hoạch có kết quả thẩm định dự toán thực hiện, giao Phòng Kinh tế và Hạ tầng khẩn trương thực hiện các trình tự, thủ tục đấu thầu theo quy định để đi vào thực hiện kể từ ngày 01/04/2019.

Việc tổ chức đấu thầu qua mạng và ký Hợp đồng số 12/2019/HĐXD ngày 12/6/2019 Hợp đồng thi công gói: “Thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn nội ô thị trấn Đ và các xã Đ, M, huyện B” là đúng quy định pháp luật. Vì vậy, UBND huyện B không chấp nhận yêu cầu khởi kiện yêu cầu hủy Hợp đồng số

12/2019/HĐXD ngày 12/6/2019 của ông Nguyễn Văn C và yêu cầu Phòng Kinh tế và Hạ tầng phải bồi thường do đơn phương chấm dứt hợp đồng.

Đại diện diện bị đơn Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện B trình bày:

Xuất phát từ nhu cầu thu gom rác thải nên vào tháng 4/2010 thì UBND huyện B giao cho phòng Công thương (nay là Phòng Kinh tế và Hạ tầng) huyện B tổ chức đấu thầu tư nhân thu gom rác thải trên địa bàn thị trấn Đ, trong đó có ông Nguyễn Văn C là người tham gia đấu thầu. Theo Công văn số 286/UBND-KT ngày 29/4/2010 về việc chấp thuận kết quả trúng thầu gói thầu: Đấu thầu tư nhân đối với công tác thu gom và vận chuyển rác sinh hoạt trên địa bàn thị trấn Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước đối với ông C. Ngày 29/4/2010, Phòng Công thương (Nay là Phòng Kinh tế và Hạ tầng) huyện B ký Hợp đồng kinh tế số 41/HĐ-CT về việc giao khoán công tác thu gom rác thải trong khu vực thị trấn Đ, huyện B với ông Nguyễn Văn C, thời hạn 24 tháng (từ ngày 01/5/2010 đến ngày 30/4/2012). Với giá trị hợp đồng 15.678.500 đồng/tháng x 24 tháng = 376.284.000 đồng.

Ngày 13/6/2012, UBND huyện có Công văn số 548/UBND-KT về việc chấp thuận cho tư nhân tiếp tục thu gom và vận chuyển rác sinh hoạt trên địa bàn thị trấn Đ với số kinh phí là 35.908.293 đồng/tháng. Ngày 13/6/2012, Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện B ký Hợp đồng kinh tế số 19/HĐ-CT về việc giao khoán công tác thu gom rác thải trong khu vực thị trấn Đ, huyện B với ông Nguyễn Văn C, thời hạn 08 tháng (từ ngày 01/5/2012 đến ngày 31/12/2012). Ngày 27/12/2012, tất cả các Hợp đồng nêu trên đã được thanh lý tại Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện B, giá trị hợp đồng 35.908.293 đồng/tháng x 8 tháng = 287.266.344 đồng.

Tại Công văn 1263/UBND-KT ngày 28/12/2012 của UBND huyện B về việc thay thế một số nội dung trong Công văn 548/UBND-KT ngày 13/6/2012 của UBND huyện; UBND huyện tiếp tục cho ông Nguyễn Văn C thu gom và vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn thị trấn Đ từ tháng 5/2012 đến hết tháng 3/2013 với kinh phí như sau:

- Tháng 5/2012 đến tháng 8/2012 là 35.908.293 đồng/tháng.
- Từ tháng 9/2012 đến tháng 3/2013 là 33.187.480 đồng/tháng (Phòng Tài chính – Kế hoạch đã thẩm tra dự toán kinh phí).

Tuy nhiên, do đã ký hợp đồng có thời hạn 08 tháng (từ ngày 01/5/2012 đến ngày 31/12/2012) nên Phòng Kinh tế và Hạ tầng vẫn tiếp tục Hợp đồng kinh tế số 19/HĐ-CT ngày 13/6/2012 với ông C. Đến ngày 27/12/2012, mới thực hiện thanh lý hợp đồng với ông C với giá trị hợp đồng 35.908.293 đồng/tháng x 8 tháng = 287.266.344 đồng.

Kể từ năm 2013 đến năm 2018, UBND huyện chỉ thuận chủ trương gia hạn và trả tiền theo từng tháng, từng quý đối với ông C nên Phòng Kinh tế và Hạ tầng đã thực hiện việc ký hợp đồng với ông C theo các Công văn số 199/UBND-KT ngày 20/3/2013, 582/UBND-KT ngày 08/7/2013; Công văn số 592/UBND-KT ngày 09/6/2017 của UBND huyện B. Trong quá trình thực hiện hợp đồng từ 01/01/2013 đến 30/6/2019 chỉ ký hợp đồng với mức giá 33.187.480 đồng vì đã có thuận chủ trương của UBND huyện số tiền ký hợp đồng hằng tháng (số tiền cũng được Phòng Tài chính – Kế hoạch thẩm tra dự toán kinh phí) nên Phòng Kinh tế và Hạ tầng không lập dự toán khác nữa.

Căn cứ Thông báo số 548-TB/HU ngày 11/5/2018 Thông báo kết luận của đồng chí Huỳnh Hữu T1 (Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy) tại buổi làm việc với Ban chấp

hành Đảng bộ thị trấn Đ, huyện B; Căn cứ Tờ trình số 31/TTr-UBND, ngày 25/5/2018 của UBND thị trấn Đ về việc đề nghị giao nhiệm vụ tổ chức đấu thầu và quản lý việc thu gom rác thải trên địa bàn thị trấn Đ cho UBND thị trấn Đ. Nên UBND huyện đã ra Công văn số 873/UBND-SX ngày 09/7/2018 về việc thuận chủ trương giao nhiệm vụ tổ chức đấu thầu và quản lý việc thu gom rác thải trên địa bàn thị trấn Đ cho UBND thị trấn Đ quản lý, thực hiện. Do đó, việc ký kết hợp đồng thu gom rác 4 tháng cuối năm 2018 và 6 tháng đầu năm 2019 là do UBND thị trấn Đ ký kết với ông C.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng giữa các bên phía ông C không có lập dự toán và văn bản kiến nghị yêu cầu UBND huyện hay phòng Kinh tế và Hạ tầng điều chỉnh giá. Khi ký kết và thực hiện Hợp đồng ông C đều tự nguyện, giữa Phòng Kinh tế và Hạ tầng và ông C không có xảy ra tranh chấp và ý kiến gì.

Ngoài số tiền Phòng Kinh tế và Hạ tầng trả hàng tháng cho ông C, ông C còn được thu thêm trong dân tại các Quyết định 42/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh Bình Phước Ban hành mức thu một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh, Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của UBND tỉnh Bình Phước Ban hành quy định mức thu, quản lý, sử dụng một số loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Phước, Quyết định 2222/QĐ-UBND ngày 20/9/2018 của UBND tỉnh Bình Phước về việc ban hành tạm thời mức giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Tại Công văn số 548/UBND-KT ngày 13/6/2012 UBND huyện đã yêu cầu ông Nguyễn Văn C phải mua 01 xe chuyên dùng để vận chuyển rác, thời gian chậm nhất đến ngày 31/12/2012, nếu hết thời gian trên nhà thầu không thực hiện việc mua xe chuyên dùng thì giao Phòng Kinh tế và Hạ tầng chấm dứt hợp đồng đối với nhà thầu và tổ chức đấu thầu lại. Tuy nhiên, ông C đã không chấp hành việc mua xe chuyên dùng, nhưng UBND huyện và Phòng Kinh tế và Hạ tầng vẫn tạo điều kiện cho ông C tiếp tục thu gom trong các năm tiếp theo sau này.

Cũng trong khoản thời gian khi UBND huyện đề nghị UBND tỉnh trang bị xe ép rác chuyên dùng cho UBND huyện, ông C đang thu gom rác tại địa bàn thị trấn Đ, sử dụng xe không chuyên dùng để thu gom rác, không đảm bảo điều kiện lưu thông trên đường nên nhiều lần bị lực lượng CSGT-TTCD huyện tạm giữ phương tiện vì gây mất trật tự an toàn giao thông. Đồng thời, xe không chuyên dùng thu gom rác cũng gây nên tình trạng ô nhiễm môi trường làm cho nhân dân trên địa bàn một số xã, thị trấn có xe đi qua rất bức xúc. Địa phương cũng nhiều lần nhắc nhở ông C nhưng ông C không khắc phục khiến một số người dân bức xúc liên tục ngăn chặn xe và không cho xe vào bãi rác. Do đó, ông C để có thể tiếp tục thực hiện việc thu gom rác tránh gây mất trật tự an toàn giao thông, gây ô nhiễm môi trường, gây bức xúc kéo dài trong nhân dân, buộc ông C phải tự trang bị xe ép rác chuyên dùng để thu gom. Trên thực tế việc ông C nói mua xe chuyên dùng để thu gom là không đúng sự thật, ông C đã mua xe tải biển kiểm soát 93C-089.17 vào năm 2017 theo Giấy chứng nhận kiểm định số No: KC 2620640 là xe ô tô tải (tự đổ) không phải xe ép rác chuyên dùng rồi sau đó tự cải tiến thành xe để chở rác.

Về việc tổ chức đấu thầu qua mạng: Tại Thông báo số 226/TB-UBND ngày 28/12/2018 của UBND huyện về ý kiến kết luận và chỉ đạo của ông Nguyễn Thanh B – Chủ tịch UBND huyện chủ trì họp Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND huyện để cho ý kiến về Đề án thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn thị trấn Đ, trung tâm xã Đ và trung tâm xã M (lần 2). Thông báo 31/TB-UBND ngày 07/3/2019 của UBND huyện về ý kiến kết luận và chỉ đạo của ông Nguyễn Thanh B –

Chủ tịch UBND huyện chủ trì họp Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND huyện để cho ý kiến về Đề án thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn thị trấn Đ, trung tâm xã Đ và trung tâm xã M đến Bãi chôn lấp rác thải tập trung của huyện tại thôn 1, xã Đ, huyện B (lần cuối). UBND huyện đã thống nhất Phòng Kinh tế và Hạ tầng là đại diện chủ đầu tư, sau khi Phòng Tài chính – Kế hoạch có kết quả thẩm định dự toán thực hiện, giao Phòng Kinh tế và Hạ tầng khẩn trương thực hiện các trình tự, thủ tục đấu thầu theo quy định để đi vào thực hiện kể từ ngày 01/04/2019.

Căn cứ Khoản 1 Điều 8 Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013; căn cứ điểm c, điểm d Khoản 1 Điều 7, điểm 1 Khoản 3; Điều 75 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

Các thông tin về đấu thầu phải được đăng tải trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, Báo đấu thầu. Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện đã thực hiện đầy đủ việc đăng tải thông tin theo đúng quy định pháp luật. Số Thông báo mời thầu là 20190537472-00 ngày đăng tải 15/05/2019-11:25; đăng tải trên Báo đấu thầu số 88/16/05/2019, mã thông tin 07-19863387, đến ngày 25/5/2019 thì đóng thầu.

Sau khi mở thầu Đơn vị tư vấn cập nhật các nhà thầu tham gia trên mạng Đấu thầu báo cáo phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện và tiến hành đánh giá hồ sơ dự thầu. Khi có báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu từ Đơn vị tư vấn đánh giá hồ sơ dự thầu có 01 đơn vị tham gia đấu thầu (Công ty TNHH Cây xanh C), Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện cung cấp cho Đơn vị tư vấn thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu. Đơn vị tư vấn cung cấp báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu cho Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện. Căn cứ vào báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu, Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện ra thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu cho đơn vị tham gia đấu thầu đã trúng thầu là Công ty TNHH Cây xanh C. Ngày 06/6/2019, Phòng Kinh tế và Hạ tầng mời các đơn vị: Phòng Tài Nguyên và Môi trường, Phòng Tài chính và Kế hoạch, UBND thị trấn Đ, UBND xã Đ, UBND xã M, Công ty TNHH Cây xanh C đến họp và ký biên bản thống nhất các nội dung trước khi ký hợp đồng.

Ngày 11/6/2019, Phòng Kinh tế và Hạ tầng có Thông báo số 06/TB-KTHT về việc ký hợp đồng với Công ty TNHH Cây xanh C, đơn vị trúng thầu gói thầu thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn nội ô thị trấn Đ, và các xã Đ, M, huyện B gửi cho các UBND thị trấn Đ, xã Đ, xã M. Do lỗi đánh máy nên việc “Căn cứ Quyết định số 691/QĐ-UBND ngày 08/5/2019 của UBND huyện B về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: Thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn nội ô thị trấn Đ và các xã Đ, M, huyện B” bị đánh máy nhầm thành Quyết định 691/QĐ-UBND ngày 08/5/2018 của UBND huyện B. Vì vậy, Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện đã ra Thông báo số 10/TB-KTHT ngày 01/7/2019 về việc đính chính Thông báo số 06/TB-KTHT ngày 11/6/2019 của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện B về việc ký hợp đồng với Công ty TNHH Cây xanh C đơn vị trúng thầu gói thầu thu gom rác thải trên địa bàn thị trấn Đ, xã M, xã Đ.

Do đó, việc ký kết Hợp đồng số 12/2019/HĐXD ngày 12/6/2019 Hợp đồng thi công gói: “Thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn nội ô thị trấn Đ và các xã Đ, M, huyện B” là đúng quy định pháp luật. Vì vậy, Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện B không chấp nhận yêu cầu khởi kiện huỷ Hợp đồng số 12/2019/HĐXD ngày 12/6/2019 của ông Nguyễn Văn C.

Đối với ông C yêu cầu Phòng Kinh tế và Hạ tầng bồi thường thiệt hại cho ông do bị chấm dứt hợp đồng nên việc ông C mua sắm trang thiết bị không được hoạt động sẽ

bị hao hụt và ông đã ký hợp đồng một năm với các công nhân là không có cơ sở. Trên thực tế, những trang thiết bị để thực hiện thu gom rác và công nhân của ông C là điều bắt buộc phải có để ông thực hiện hợp đồng thu gom và vận chuyển rác sinh hoạt trên địa bàn thị trấn Đ cũng như tránh gây mất trật tự an toàn giao thông, mỹ quan đô thị và tránh bức xúc trong nhân dân. Sau khi thanh lý hợp đồng với ông C vào ngày 05/9/2018, phòng không có yêu cầu cũng như không can thiệp vào việc ông C mua sắm thiết bị gì, việc mua sắm trang thiết bị này là do ông C tự nguyện và trong suốt quá trình các năm ký kết hợp đồng với ông C, phòng không can thiệp việc ông C ký hợp đồng thời hạn bao lâu với công nhân. Từ năm 2013 đến năm 2018 phòng chỉ ký hợp đồng theo hằng tháng hoặc hằng quý với ông C. Do đó, Phòng Kinh tế và Hạ tầng không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Đại diện UBND thị trấn Đ, huyện B trình bày: Việc tổ chức đấu thầu và ký kết các hợp đồng từ gom rác thải trên địa bàn thị trấn Đ với ông Nguyễn Văn C từ năm 2010 cho đến tháng 8/2018 là do Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện B thực hiện.

Căn cứ Thông báo số 548-TB/HU ngày 11/5/2018 Thông báo kết luận của đồng chí Huỳnh Hữu T1 (TUV, Bí thư Huyện ủy) tại buổi làm việc với Ban chấp hành Đảng bộ thị trấn Đ, huyện B; Căn cứ Tờ trình số 31/TTr-UBND, ngày 25/5/2018 của UBND thị trấn Đ về việc đề nghị giao nhiệm vụ tổ chức đấu thầu và quản lý việc thu gom rác thải trên địa bàn thị trấn Đ cho UBND thị trấn Đ. Nên UBND huyện đã ra Công văn số 873/UBND-SX ngày 09/7/2018 về việc thuận chủ trương giao nhiệm vụ tổ chức đấu thầu và quản lý việc thu gom rác thải trên địa bàn thị trấn Đ cho UBND thị trấn Đ quản lý, thực hiện.

Do đó, Ủy ban nhân dân thị trấn Đ đã thực hiện việc ký hợp đồng thu gom rác thải trên địa bàn thị trấn và chi trả tiền thu gom rác cho ông C từ tháng 9/2018 đến tháng 6/2019 theo tờ trình số 139/TTr-KTHT ngày 28/9/2018 của phòng Kinh tế và Hạ tầng; Quyết định số 2097/QĐ-UBND ngày 18/10/2018 và Quyết định số 2915/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND huyện B.

Theo đó, UBND thị trấn Đ đã ký các hợp đồng: số 01/HĐ-UBND ngày 30/8/2018 với thời hạn từ ngày 01/9/2018 đến ngày 31/12/2018; Hợp đồng số 01/HĐ-UBND ngày 02/01/2019 với thời gian từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/4/2019; Hợp đồng số 02/HĐ-UBND ngày 02/5/2019 với thời gian từ ngày 01/5/2019 đến ngày 30/6/2019; giá hợp đồng là 33.187.480đồng/tháng. Tất cả các hợp đồng này đều được thanh lý khi đến hạn bằng biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng do ông C và UBND thị trấn Đ ký.

Việc ký kết hợp đồng và thanh lý hợp đồng đều đúng theo quy định, ông C đều tự nguyện thực hiện mà không có ý kiến gì. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông C không có ý kiến hay văn bản gì đề nghị UBND thị trấn Đ kiến nghị Phòng Kinh tế và Hạ tầng hoặc UBND huyện B điều chỉnh mức giá thỏa thuận trong hợp đồng thu gom rác thải đã ký kết.

Mặc dù, tại Văn bản 873/UBND-SX ngày 09/7/2018 của UBND huyện B giao nhiệm vụ tổ chức đấu thầu và quản lý việc thu gom rác thải trên địa bàn thị trấn Đ cho UBND thị trấn Đ thực hiện. Tuy nhiên, theo Thông báo 226/TB-UBND ngày 28/12/2018 của UBND huyện về ý kiến kết luận và chỉ đạo của ông Nguyễn Thanh B – Chủ tịch UBND huyện chủ trì họp Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND huyện để cho ý kiến về Đề án thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn thị trấn Đ, trung tâm xã Đ và trung tâm xã M (lần 2) và Thông báo 31/TB-UBND ngày

07/3/2019 của UBND huyện về ý kiến kết luận và chỉ đạo của ông Nguyễn Thanh B – Chủ tịch UBND huyện Chủ trì họp Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND huyện để cho ý kiến về Đề án thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn thị trấn Đ, trung tâm xã Đ và trung tâm xã M đến Bãi chôn lấp rác thải tập trung của huyện tại thôn 1, xã Đ, huyện B (lần cuối). UBND huyện đã thống nhất Phòng Kinh tế và Hạ tầng là đại diện chủ đầu tư. Sau khi Phòng Tài chính – Kế hoạch có kết quả thẩm định dự toán thực hiện, giao Phòng Kinh tế và Hạ tầng khẩn trương thực hiện các trình tự, thủ tục đấu thầu theo quy định để đi vào thực hiện kể từ ngày 01/04/2019. Do đó, UBND thị trấn Đ không tham gia vào việc tổ chức thực hiện đấu thầu việc thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn nội ô thị trấn Đ mà do Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện B thực hiện.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông C thì UBND thị trấn Đ không có ý kiến gì. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện B giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Công ty TNHH Cây xanh C trình bày: Căn cứ vào thông báo mời thầu Công ty TNHH tư vấn đầu thầu Cửu Long Bình Phước được đăng tải trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia tại website <http://muasamcong.mpi.gov.vn> vào ngày 15/5/2019 lúc 11 giờ 25 phút về gói thầu Thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn nội ô thị trấn Đ và các xã Đ, M huyện B. Sau khi nhận được thông báo mời thầu này, Công ty TNHH Cây xanh C đã kiểm tra thông tin và làm thủ tục đấu thầu gói thầu này bằng hình thức đăng tải trên website <http://muasamcong.mpi.gov.vn>. Quá trình đấu thầu Công ty TNHH Cây xanh C là đơn vị trúng thầu nên ngày 06/6/2019, Công ty và Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện B tiến hành lập biên bản về việc thống nhất các nội dung trước khi ký hợp đồng với Công ty TNHH Cây xanh C đơn vị trúng thầu gói thầu thu Thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn nội ô thị trấn Đ và các xã Đ, M huyện B.

Ngày 11/6/2019 Phòng Kinh tế và Hạ tầng ra Quyết định số 26/QĐ-KTHT phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu thi công gói thầu xây lắp: Thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn nội ô thị trấn Đ và các xã Đ, M huyện B. Đến ngày 12/6/2019 Công ty và Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện B tiến hành ký kết hợp đồng số 12/2019/HĐXXD.

Như vậy, Công ty TNHH Cây xanh C đã thực hiện việc đấu thầu gói thầu Thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn nội ô thị trấn Đ và xã Đ, xã M huyện B với hình thức đấu thầu qua mạng và ký hợp đồng đúng quy định của pháp luật. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C là không có căn cứ nên Công ty Cây Xanh Công Minh không đồng ý yêu cầu hủy Hợp đồng số 12/2019/HĐXXD ngày 12/6/2019 của Công ty TNHH Cây xanh C với phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện B.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2022/DS-ST ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước đã quyết định:

1. “Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C đối với:

- Yêu cầu hủy Hợp đồng số 12/2019/HĐXXD ngày 12/6/2019, Hợp đồng thi công gói thầu: “Thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn nội ô thị trấn Đ và các xã Đ, M, huyện B” giữa Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện B và Công ty TNHH Cây xanh C;

- Yêu cầu UBND huyện B phải bồi thường các khoản chi phí phát sinh do biến động giá trong quá trình thu gom vận chuyển rác thải từ tháng 01/2013 cho đến tháng

6/2019 và khoản tiền lãi của số tiền này từ ngày 01/7/2019 đến ngày 15/6/2022 và tiền tổn thất giá trị xe hư hao do không hoạt động từ tháng 7/2019 đến ngày 15/3/2022. Tổng số tiền là 3.659.630.530 đồng (ba tỷ sáu trăm năm mươi chín triệu, sáu trăm ba mươi nghìn, năm trăm ba mươi đồng);

- Yêu cầu phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện B phải bồi thường tiền tổn thất về kinh tế bao gồm chi phí nộp thuế, chi phí hao hụt trang thiết bị, tiền lương chi trả cho công nhân từ ngày 01/7/2019 đến ngày 15/6/2022 tổng số tiền là 5.117.734.000 đồng (năm tỷ một trăm mười bảy triệu, bảy trăm ba mươi tư nghìn đồng)...”;

Ngoài ra còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 18/7/2022, nguyên đơn ông Nguyễn Văn C kháng cáo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện B, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C bổ sung yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn C, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì việc làm của phòng kinh tế hạ tầng đã xâm phạm trực tiếp đến quyền lợi ích hợp pháp của ông C, Tòa án cấp sơ thẩm chưa đánh giá chứng cứ một cách toàn diện, khách quan làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của ông C. Nếu HĐXX cấp phúc thẩm không khắc phục được thì đề nghị HĐXX cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn C thống nhất theo lời trình bày của Luật sư Thi.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn UBND huyện B là bà Hồ Thị Kim C1 đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện B là ông Võ Ngọc Hoàng V đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Ý kiến của Kiểm sát viên - Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 33/2022/DS-ST ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn C được nộp trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm, vì vậy Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước thụ lý và giải quyết phúc thẩm vụ án là đúng theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn C thấy rằng:

[2.1] Đối với yêu cầu buộc UBND huyện B phải bồi thường khoản tiền do có

biến động về giá nhiên liệu và nhân công của ông C thấy rằng:

[2.2] Xuất phát từ nhu cầu thu gom, vận chuyển rác thải trên địa bàn thị trấn Đ nên vào tháng 4/2010, UBND huyện B giao cho phòng Công Thương (nay là Phòng Kinh tế và Hạ tầng) huyện B tổ chức đấu thầu tư nhân thu gom rác thải trên địa bàn thị trấn Đ. Quá trình thực hiện đấu thầu thì ông Nguyễn Văn C là người tham gia đấu thầu và là cá nhân trúng thầu nên ngày 29/4/2010, UBND huyện B đã ban hành Công văn số 286/UBND-KT chấp thuận kết quả trúng thầu gói thầu: Đấu thầu tư nhân đối với công tác thu gom và vận chuyển rác sinh hoạt trên địa bàn thị trấn Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước đối với ông C. Ngày 29/4/2010, Phòng Công thương (Nay là Phòng Kinh tế và Hạ tầng) huyện B ký Hợp đồng Kinh tế số 41/HĐ-CT về việc giao khoán công tác thu gom, vận chuyển rác thải trong khu vực thị trấn Đ, huyện B với ông Nguyễn Văn C có thời hạn 24 tháng (kể từ ngày 01/5/2010 đến ngày 30/4/2012). Với giá trị hợp đồng $15.678.500 \text{ đồng/tháng} \times 24 \text{ tháng} = 376.284.000 \text{ đồng}$ theo nội dung Công văn 286 ngày 29/4/2010.

[2.3] Theo nội dung Công văn số 286/UBND-KT ngày 29/4/2010 nếu ông C thực hiện tốt việc thu gom, vận chuyển rác thải thì các ban ngành liên quan xem xét tham mưu UBND huyện B huyện để chỉ định thầu tiếp, đồng thời giao các phòng ban kiểm tra giám sát việc thực hiện thu gom rác thải trong thời gian trúng thầu nếu có biến động lớn về giá nhiên liệu thì đề xuất để UBND huyện giải quyết. Thực hiện theo công văn này, Phòng Kinh tế và Hạ tầng đã tham mưu UBND huyện B ban hành Công văn số 548/UBND-KT ngày 13/6/2013 về việc chấp thuận cho tư nhân là ông Nguyễn Văn C tiếp tục thu gom và vận chuyển rác sinh hoạt trên địa bàn thị trấn Đ và điều chỉnh giá với số kinh phí là 35.908.293 đồng/tháng.

[2.4] Ngày 28/12/2012, UBND huyện B ban hành Công văn 1263/UBND -KT về việc thay thế một số nội dung trong Công văn 548/UBND-KT ngày 13/6/2012 của UBND huyện với nội dung tiếp tục cho nhà thầu tư nhân ông Nguyễn Văn C thu gom và vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn thị trấn Đ từ tháng 5/2012 đến hết tháng 3/2013 với kinh phí từ tháng 5/2012 đến tháng 8/2012 là 35.908.293 đồng/tháng; từ tháng 9/2012 đến tháng 3/2013 là 33.187.480 đồng/tháng (Phòng Tài chính – Kế hoạch đã thẩm tra dự toán kinh phí). Sau đó, từ năm 2013 đến tháng 8/2018, UBND huyện chỉ thuận chủ trương gia hạn với ông C theo từng tháng, từng quý với số tiền 33.187.480 đồng theo các Công văn số 199/UBND-KT ngày 20/3/2013, 582/UBND-KT ngày 08/7/2013; Công văn số 592/UBND-KT ngày 09/6/2017 của UBND huyện B và Quyết định số 03/QĐ-KTHT ngày 05/01/2018 của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện B.

[2.5] Ông Nguyễn Văn C cho rằng quá trình thực hiện hợp đồng UBND huyện B đã không thực hiện điều chỉnh mức giá khi có biến động lớn về giá nhiên liệu từ năm 2013 cho đến năm 2019 theo nội dung Công văn số 286/UBND-KT ngày 29/4/2010, Công văn số 548/UBND-KT ngày 13/6/2012, Công văn số 1263/UBND -KT ngày 28/12/2012 dù ông C đã nhiều lần lập bản tường trình, báo cáo gửi Phòng Kinh tế và Hạ tầng và UBND huyện B. Để chứng minh việc này, ông C cung cấp các bản dự toán kinh phí trong công tác thu gom và vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn thị trấn Đ và bản đề xuất phương án điều chỉnh mức lương, giá nhiên liệu, chính sách thuế từ năm 2013 đến năm 2019. Tuy nhiên, các văn bản này là do ông C tự lập, ông C không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc đã gửi các tờ trình và báo cáo cho Phòng Kinh tế và Hạ tầng và UBND huyện B xem xét điều chỉnh mức giá cho ông C. Hơn nữa, việc ký kết các hợp đồng giao khoán công tác thu gom vận chuyển

rác thải trên địa bàn thị trấn Đ dựa trên sự thỏa thuận của các bên, nếu ông C cho rằng việc tiếp tục thực hiện hợp đồng với mức giá 33.187.480 đồng/tháng là không phù hợp với tình hình thực tế gây thiệt hại cho ông C thì có quyền không tiếp tục ký hợp đồng. Nhưng từ năm 2013 đến năm 2019, sau khi thanh lý hợp đồng thì ông C vẫn tiếp tục ký hợp đồng thu gom, vận chuyển rác thải trên địa bàn thị trấn Đ với Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện B, Đội quản lý công trình đô thị và UBND thị trấn Đ với mức giá 33.197.480 đồng/tháng. Như vậy, việc ký kết và thực hiện hợp đồng giao khoán công tác thu gom rác thải trên địa bàn thị trấn Đ, huyện B giữa ông C với Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện B, Đội quản lý công trình đô thị, UBND thị trấn Đ là do ông C tự nguyện nên yêu cầu khởi kiện của ông C buộc UBND huyện B phải bồi thường khoản chi phí phát sinh do biến động giá trong quá trình thực hiện việc thu gom vận chuyển rác thải trên địa bàn thị trấn Đ và khoản tiền lãi từ khoản tiền này là không có căn cứ chấp nhận.

[2.6] Đối với yêu cầu hủy Hợp đồng số 12/2019/HĐXD ngày 12/6/2019, Hợp đồng thi công gói thầu: “Thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn nội ô thị trấn Đ và các xã Đ, M, huyện B” giữa Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện B và Công ty TNHH Cây xanh C, thấy rằng:

[2.7] Ông C cho rằng tại hồ sơ mời thầu tháng 4/2010 của Phòng công thương huyện B và Công văn số 286/UBND-KT ngày 29/4/2010 của UBND huyện B thì thời gian thực hiện gói thầu là 02 năm, nếu thực hiện tốt trong 02 năm thì được UBND huyện chỉ định thầu tiếp mà không phải đấu thầu nữa đồng thời được bổ sung chênh lệch giá nhiên liệu khi có biến động lớn về giá. Việc Phòng Kinh tế và Hạ tầng thực hiện việc đấu thầu và tự ký Hợp đồng số 12/2019/HĐXD ngày 12/6/2019 với Công ty TNHH Cây xanh C đồng thời ra Thông báo số 06/TB-KTHT ngày 11/6/2019 về việc ký hợp đồng với Công ty TNHH Cây xanh C, buộc ông C phải chấm dứt hợp đồng thu gom, vận chuyển rác thải là không thực hiện theo các văn bản nêu trên của UBND huyện B. Tuy nhiên, theo nội dung hồ sơ mời thầu tháng 4/2010 của Phòng Công thương huyện B và Công văn số 286/UBND-KT ngày 29/4/2010 của UBND huyện B thể hiện nội dung việc chỉ định thầu thời gian tiếp theo đối với ông C sau 02 năm nếu ông C thực hiện tốt thì các ban ngành xem xét, tham mưu để UBND huyện chỉ định thầu tiếp chứ không xác định ông C được chỉ định thầu thực hiện việc thu gom, vận chuyển rác thải không thời hạn. Do đó, từ năm 2013 đến năm 2018, trên cơ sở tham mưu của Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND huyện B chỉ thuận chủ trương gia hạn theo từng tháng, từng quý theo Công văn số 199/UBND-KT về Công văn 582/UBND-KT ngày 08/7/2013 Công văn số 592/UBND-KT ngày 09/6/2017 và Quyết định số 03/QĐ-KTHT ngày 05/01/2018.

[2.8] Tuy nhiên, do nhu cầu việc thu gom rác thải ở địa bàn các xã lân cận thị trấn Đ là xã Đ và M với khối lượng lớn, yêu cầu phải có xe chuyên dụng nên buộc phải lập hồ sơ thủ tục đấu thầu theo đúng quy định, vấn đề này đã được thông qua tại Nghị quyết số 32 ngày 28/12/2018 của Hội đồng nhân dân huyện B. Mặt khác, thực hiện theo Quyết định số 1857 ngày 10/8/2018 của UBND tỉnh Bình Phước về việc ban hành kế hoạch tổng thể và lộ trình áp dụng đấu thầu qua mạng năm 2019-2015 trên địa bàn tỉnh Bình Phước và Công văn số 415 ngày 23/9/2019 của Sở kế hoạch và đầu tư Bình Phước về việc đôn đốc thực hiện nghiêm công tác đấu thầu qua mạng năm 2019. Do đó, khi thực hiện thủ tục đấu thầu gói thầu thu gom, vận chuyển rác thải trên địa bàn thị trấn Đ, xã Đ, xã M có mức đầu tư trên một tỷ đồng nên phải thực hiện thủ tục đấu thầu rộng rãi (qua mạng).

[2.9] Mặc dù tại Công văn số 873/UBND-SX ngày 09/7/2018 về việc thuận chủ trương giao nhiệm vụ tổ chức đấu thầu và quản lý việc thu gom rác thải trên địa bàn thị trấn Đ cho UBND thị trấn Đ quản lý, thực hiện. Tuy nhiên tại Thông báo 226/TB-UBND ngày 28/12/2018 và Thông báo 31/TB-UBND ngày 07/3/2019 của UBND huyện về ý kiến kết luận và chỉ đạo của ông Nguyễn Thanh B – Chủ tịch UBND huyện Chủ trì họp Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND huyện để cho ý kiến về Đề án thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn thị trấn Đ, trung tâm xã Đ và trung tâm xã M, UBND huyện đã thống nhất Phòng Kinh tế và Hạ tầng là đại diện chủ đầu tư, sau khi Phòng Tài chính – Kế hoạch có kết quả thẩm định dự toán thực hiện, giao Phòng Kinh tế và Hạ tầng khẩn trương thực hiện các trình tự, thủ tục đấu thầu theo quy định để đi vào thực hiện kể từ ngày 01/04/2019. Như vậy, Phòng Kinh tế và Hạ tầng thực hiện việc tổ chức đấu thầu là thực hiện theo nhiệm vụ được phân công.

[2.10] Về trình tự thủ tục đấu thầu và ký kết Hợp đồng số 12/2019/HĐXD ngày 12/6/2019 với Công ty TNHH Cây xanh C: Dựa trên báo kết quả thẩm định số 19/KQTD- TCKH ngày 18/4/2019 của Phòng Tài chính- Kế hoạch huyện B, UBND huyện B đã ban hành Quyết định số 571/QĐ-UBND ngày 18/4/2019 phê duyệt kết quả thẩm định và dự toán công trình Thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn nội ô thị trấn Đ và các xã Đ, M huyện B; Quyết định số 691/QĐ-UBND ngày 08/5/2019 về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Phòng Kinh tế và Hạ tầng đã thực hiện ký hợp đồng với Công ty Cổ phần xây dựng Đức Dương thực hiện việc thẩm định hồ sơ mời thầu qua mạng và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu. Dựa trên báo cáo thẩm định hồ sơ mời thầu qua mạng số 226/BCTĐ-ĐD ngày 13/5/2019 của Công ty Cổ phần xây dựng Đức Dương, Phòng Kinh tế và Hạ tầng ban hành Quyết định số 19/QĐ-KTHT ngày 13/5/2019 về việc phê duyệt hồ sơ mời thầu qua mạng và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu qua mạng. Sau đó, thông tin mời thầu được đăng tải trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, báo đấu thầu. Số Thông báo mời thầu là 20190537472-00 ngày đăng tải 15/05/2019-11:25; đăng tải trên Báo đấu thầu số 88/16/05/2019, mã thông tin 07-19863387, đến ngày 25/5/2019 thì đóng thầu.

[2.11] Sau khi mở thầu Đơn vị tư vấn cập nhật các nhà thầu tham gia trên mạng Đấu thầu báo cáo Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện và tiến hành đánh giá Hồ sơ dự thầu. Khi có báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu từ Đơn vị tư vấn đánh giá hồ sơ dự thầu có 01 đơn vị tham gia đấu thầu (Công ty TNHH Cây xanh C), Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện cung cấp cho Đơn vị tư vấn thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu. Đơn vị tư vấn cung cấp báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu cho Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện. Căn cứ vào báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu, Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện ra Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu cho đơn vị tham gia đấu thầu đã trúng thầu là Công ty TNHH Cây xanh C. Ngày 06/6/2019, Phòng Kinh tế và Hạ tầng mời các đơn vị: Phòng Tài Nguyên và Môi trường, Phòng Tài chính và Kế hoạch, UBND thị trấn Đ, UBND xã Đ, UBND xã M, Công ty TNHH Cây xanh C đến họp và ký Biên bản thống nhất các nội dung trước khi ký hợp đồng.

[2.12] Ngày 11/6/2019, Phòng Kinh tế và Hạ tầng có Thông báo số 06/TB-KTHT về việc ký hợp đồng với Công ty TNHH Cây xanh C, đơn vị trúng thầu gói thầu thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn nội ô thị trấn Đ, và các xã Đ, M, huyện B gửi cho các UBND thị trấn Đ, xã Đ, xã M. Do lỗi đánh máy nên việc “Căn cứ Quyết định số 691/QĐ-UBND ngày 08/5/2019 của UBND huyện B về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: Thu gom, vận chuyển rác thải sinh

hoạt trên địa bàn nội ô thị trấn Đ và các xã Đ, M, huyện B” bị đánh máy nhằm thành Quyết định 691/QĐ-UBND ngày 08/5/2018 của UBND huyện B. Vì vậy, Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện đã ra Thông báo số 10/TB-KTHT ngày 01/7/2019 về việc đính chính Thông báo số 06/TB-KTHT ngày 11/6/2019 của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện B về việc ký hợp đồng với Công ty TNHH Cây xanh C đơn vị trúng thầu gói thầu thu gom rác thải trên địa bàn thị trấn Đ, xã M, xã Đ. Như vậy về thủ tục đấu thầu do Phòng Kinh tế và Hạ tầng thực hiện đúng theo quy định tại Luật đấu thầu năm 2013 và nghị định 63 ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đấu thầu.

[2.13] Mục đích đấu thầu qua mạng là nhằm nâng cao hiệu quả của công tác đấu thầu, tạo môi trường cạnh tranh, công bằng, minh bạch và tiết kiệm thời gian, chi phí, giảm thiểu thủ tục hành chính nên các thông tin đấu thầu đều được đăng tải công khai trên hệ thống mạng đấu thầu để các tổ chức, đơn vị, cá nhân đều có thể tìm hiểu và tham gia. Đối với thông báo mời thầu gói thầu thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn nội ô thị trấn Đ, và các xã Đ, M, huyện B được đăng tải cụ thể là Website <http://muasamcong.mpi.gov.vn> nên ông C muốn tham gia đấu thầu phải vào trang Web này để tìm hiểu và tham gia mà chủ đầu tư là Phòng Kinh tế và Hạ tầng không có trách nhiệm phải thông báo cho ông C biết. Như vậy việc ông C cho rằng Phòng Kinh tế và Hạ tầng thực hiện việc tổ chức đấu thầu là không đúng thẩm quyền và không thông báo cho ông C biết để tham gia là thiếu minh bạch là không có cơ sở.

[2.14] Công ty TNHH Cây xanh C sau khi biết được thông tin đấu thầu gói thầu “Thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn nội ô thị trấn Đ và các xã Đ, M, huyện B” đăng tải trên Website <http://muasamcong.mpi.gov.vn> nên đã nộp hồ sơ dự thầu trên trang web này và đáp ứng đủ điều kiện nên đã trúng thầu. Do đó, việc ký kết Hợp đồng số 12/2019/HĐXD ngày 12/6/2019 Hợp đồng thi công gói: “Thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn nội ô thị trấn Đ và các xã Đ, M, huyện B” giữa Phòng Kinh tế và Hạ tầng và Công ty TNHH Cây xanh C là đúng theo quy định của pháp luật. Mặt khác Hợp đồng số 12/2019 ngày 12/6/2019 giữa Công ty TNHH Cây xanh C và phòng Kinh tế và Hạ tầng đã chấm dứt và tiến hành thanh lý hợp đồng vào ngày 01/7/2020. Do đó, yêu cầu hủy Hợp đồng số 12 ngày 12/6/2019 của ông C là không có căn cứ chấp nhận.

[2.15] Đối với yêu cầu Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện B phải bồi thường tiền tổn thất về kinh tế bao gồm chi phí nộp thuế, chi phí hao hụt trang thiết bị, tiền lương chi trả cho công nhân từ ngày 01/7/2019 cho tới ngày 15/6/2022, Hội đồng xét xử thấy rằng: Như đã phân tích ở trên, việc ông C cho rằng Phòng Kinh tế và Hạ tầng thực hiện việc đấu thầu và ký hợp đồng với Công ty TNHH Cây xanh C không đúng là hoàn toàn không có cơ sở. Hơn nữa, hợp đồng thu gom, vận chuyển rác thải trên địa bàn thị trấn Đ giữa Phòng Kinh tế và Hạ tầng với Công ty TNHH Cây xanh C được thực hiện bắt đầu từ ngày 01/7/2019 sau khi thời hạn Hợp đồng số 02/HĐ-UBND ngày 02/5/2019 giữa UBND thị trấn Đ với ông C kết thúc (ngày 30/6/2019). Tại điểm 6 mục IV của hồ sơ mời thầu tháng 4/2010 thì người tham gia đấu thầu phải tự trang thiết bị và đưa vào hồ sơ dự thầu và tại mục V của hồ sơ mời thầu thì bên tham gia gói thầu phải bảo đảm năng lực điều kiện trong việc thu gom và vận chuyển rác. Do đó, việc ông C mua phương tiện vận chuyển, thu gom rác và thuê nhân công phục vụ cho công việc này là bắt buộc khi tham gia gói thầu. Cũng theo thỏa thuận tại tất cả các hợp đồng giao khoán công tác thu gom rác thải trong khu vực thị trấn Đ huyện B giữa ông C và Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Đội quản lý công trình đô thị và UBND thị trấn

Đ thì ông C phải tự chi các khoản lương công nhân, tiền sửa xe, xăng dầu, phòng hộ, BHXH, BHYT cho công nhân. Tại phiên tòa ông C cũng xác định việc trang bị xe, các phương tiện thực hiện việc thu gom vận chuyển rác thải đều do phía ông C phải trang bị, ông C cũng tự chi trả các khoản lương, sửa xe, xăng dầu... Mặt khác, hợp đồng lao động giữa ông C với các công thực hiện thu gom vận chuyển rác thải đều có thời hạn 01 năm, ông C đã thanh lý hợp đồng với UBND thị trấn Đ ngày 30/6/2019 nhưng sau khi kết thúc hợp đồng lao động vẫn tiếp tục ký hợp đồng với những công nhân này. Qua làm việc với công nhân làm việc cho ông C thì những người này vẫn đang thực hiện việc thu gom, vận chuyển rác cho ông C trên địa bàn xã P và T. Do đó, ông C yêu cầu Phòng Kinh tế và Hạ tầng phải bồi thường các khoản chi phí nộp thuế, hao hụt trang thiết bị, tiền lương từ ngày 01/7/2019 cho đến ngày 15/6/2022 là không có căn cứ chấp nhận.

Từ nhận định trên, HĐXX cấp phúc thẩm xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp. Do đó, cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện B, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn C.

[3] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước là có căn cứ, phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của ông C không được chấp nhận nên ông C phải chịu tiền án phí đối với số tiền yêu cầu là 8.777.364.530 đồng tương đương số tiền 116.777.364 đồng, được khấu trừ vào các số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 47.723.000 đồng theo Biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số 009922 ngày 13/12/2019; số tiền 56.729.000 đồng theo Biên lai thu số 016002 ngày 22/02/2021; số tiền 14.500.000 đồng theo Biên lai số 000350 ngày 21/3/2022; số tiền 43.385.300 đồng theo biên lai thu số 000467 ngày 03/6/2022; tổng số tiền là 162.334300 đồng. Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước hoàn trả cho ông C số tiền 45.589.936 đồng.

[5] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản là 14.000.000 đồng, do yêu cầu của ông C không được chấp nhận nên ông C phải chịu chi phí này.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của ông Nguyễn Văn C không được chấp nhận nên ông C phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 33/2022/DS-ST ngày 08/7/2022 Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 422, 513, 524, 515, 516, 519 của Bộ luật dân sự.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C đối với:

- Yêu cầu hủy Hợp đồng số 12/2019/HĐXD ngày 12/6/2019, Hợp đồng thi công gói thầu: “Thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn nội ô thị trấn Đ và các xã Đ, M, huyện B” giữa Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện B và Công ty TNHH Cây xanh C;

- Yêu cầu UBND huyện B phải bồi thường các khoản chi phí phát sinh do biến động giá trong quá trình thu gom vận chuyển rác thải từ tháng 01/2013 cho đến tháng 6/2019 và khoản tiền lãi của số tiền này từ ngày 01/7/2019 đến ngày 15/6/2022 và tiền tổn thất giá trị xe hư hao do không hoạt động từ tháng 7/2019 đến ngày 15/3/2022. Tổng số tiền là 3.659.630.530 đồng (*ba tỷ sáu trăm năm mươi chín triệu, sáu trăm ba mươi nghìn, năm trăm ba mươi đồng*);

- Yêu cầu phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện B phải bồi thường tiền tổn thất về kinh tế bao gồm chi phí nộp thuế, chi phí hao hụt trang thiết bị, tiền lương chi trả cho công nhân từ ngày 01/7/2019 đến ngày 15/6/2022 tổng số tiền là 5.117.734.000 đồng (*năm tỷ một trăm mười bảy triệu, bảy trăm ba mươi tư nghìn đồng*).

2. *Về chi phí tố tụng*: Ông Nguyễn Văn C phải chịu chi phí xem xét thẩm định và thẩm định giá tài sản là 14.000.000 đồng (*mười bốn triệu đồng*): Do ông C đã nộp tạm ứng chi phí này nên không phải nộp thêm.

3. *Án phí dân sự sơ thẩm*:

3.1. Ông Nguyễn Văn C phải chịu số tiền án phí là 116.777.364 đồng (*một trăm mười sáu triệu, bảy trăm bảy mươi bảy nghìn ba trăm sáu mươi tư đồng*).

Được khấu trừ vào các số tiền tạm ứng án phí đã nộp, cụ thể:

- Số tiền 47.723.000 đồng (*bốn mươi bảy triệu bảy trăm hai mươi ba nghìn đồng*) theo Biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số 009922 ngày 13/12/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước;

- Số tiền 56.729.000 đồng (*năm mươi sáu triệu bảy trăm hai mươi chín nghìn đồng*) theo Biên lai thu số 016002 ngày 22/02/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước;

- Số tiền 14.500.000 đồng (*mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng*) theo Biên lai số 000350 ngày 21/3/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước;

- Số tiền 43.385.300 đồng (*bốn mươi ba triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn ba trăm đồng*) theo Biên lai thu số 000467 ngày 03/6/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước;

Tổng số tiền là 162.334.300 đồng (*một trăm sáu mươi hai triệu, ba trăm ba mươi bốn nghìn ba trăm đồng*).

Chi cục Thi hành án Dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước hoàn trả cho ông C số tiền 45.589.936 đồng (*bốn mươi lăm triệu năm trăm tám mươi chín nghìn chín trăm ba mươi sáu đồng*) .

3.2. UBND huyện B không phải chịu.

3.3. Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện B không phải chịu.

4. *Về án phí dân sự phúc thẩm*:

Ông Nguyễn Văn C phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 000560

ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện B;
- CCTHADS huyện B;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, TDS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thư